

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Châu.

2. Ông Trần Văn Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2024 và lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Kim N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà với Lê Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 26/3/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông T không đi làm, phụ giúp, chăm lo gì đến gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không còn sức chịu đựng nữa nên bà đã bỏ về mẹ ruột sinh sống từ ngày 12/01/2024. Tình cảm vợ chồng không

còn yêu thương nhau nữa, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 17/9/2022. Con đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Minh T không có lời trình bày vì không đến Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà N, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Kim N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh T. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn ở ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Minh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Lê Minh T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim N với ông Lê Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2021. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 26/3/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Bà N đã bỏ về bên mẹ ruột sinh sống do mâu thuẫn ngày càng tăng. Bà N không thể

sống chung với ông T. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông Lê Minh T không đến Tòa án không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của cả hai không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Lê Minh T và bà Huỳnh Kim N có một con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 17/9/2022. Con đang sống chung với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không đến tòa án nên yêu cầu nuôi con của bà N có căn sở để chấp nhận. Bà N được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà N và ông T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, bà N không yêu cầu giải quyết. Cho đến nay, ông T không có ý kiến về phân tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Lê Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim N được ly hôn với ông Lê Minh T.

2. Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Kim N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 17/9/2022. Con đang sống chung với bà N. Ông Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn

nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Huỳnh Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008173, ngày 07/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Minh T không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2024). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ